

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch giai đoạn 2015-2020

Kính gửi: Sở Tài chính.

Triển khai Công văn số 3966/STC-HCSN ngày 26/11/2021 của Sở Tài chính về việc cung cấp thông tin về việc thực hiện quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch giai đoạn 2015-2020.

Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ, báo cáo như sau:

1. Văn bản pháp lý thực hiện lập điều chỉnh quy hoạch.

- Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

- Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035 đến năm 2035;

- Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt dự toán Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035;

Gửi kèm theo bản scan.

2. Tình hình thực hiện lập điều chỉnh quy hoạch.

- Tổng số dự án lập điều chỉnh quy hoạch: 01 dự án.

- Tổng kinh phí đã cấp: 1.021,736 triệu đồng.

- Tổng kinh phí thực hiện: 890,627 triệu đồng.

- Dự án chưa thực hiện quyết toán dự án hoàn thành.

Kèm theo phụ lục số 01 và 02.

Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ báo cáo đề nghị Sở Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TTr.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Phận

BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN LẬP QUY HOẠCH, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2021 của UBND huyện Đức Cơ)

Phụ lục số 1
ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Chủ đầu tư	Tên dự án quy hoạch	Thời gian thực hiện quy hoạch	Các văn bản pháp lý (Các văn bản chủ trương lập quy hoạch; Các văn bản giao kinh phí thực hiện quy hoạch; Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, dự toán quy hoạch; Quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành; Các văn bản quy định khác có liên quan...)	Tổng kinh phí được giao (nguồn sự nghiệp)	Trong đó		Tổng kinh phí thực hiện, thanh toán	Tổng kinh được quyết toán	Tỉ lệ % kinh phí quyết toán / kinh phí được giao	Ghi chú
							Kinh phí giao đầu năm	Kinh phí chuyển nguồn các năm trước chuyển sang				
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10	11	12=11/7	13
II	Cấp huyện											
1	UBND HUYỆN ĐỨC CỎ (Năm 2018)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035.	2018-2020	Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai; Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt dự toán Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035; Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035đến năm 2035;	798,000	798,000		735,717			Ngân sách tỉnh
					223,736	223,736		154,910			Ngân sách huyện	
TỔNG CỘNG						1.021,736	1.021,736	-	890,627	-	-	

BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN LẬP QUY HOẠCH, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2021 của UBND huyện Đức Cơ)

Phụ lục số 2
ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Chủ đầu tư	Tên dự án quy hoạch	Thời gian thực hiện quy hoạch	Các văn bản pháp lý (Các văn bản chủ trương lập quy hoạch; Các văn bản giao kinh phí thực hiện quy hoạch; Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, dự toán quy hoạch; Quyết định phê duyệt quy hoạch; Quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành; Các văn bản quy định khác có liên quan...)	Tổng kinh phí được giao (nguồn sự nghiệp)	Trong đó		Tổng kinh phí thực hiện, thanh toán	Tỉ lệ % kinh phí thực hiện/ kinh phí được giao	Nguyên nhân chưa quyết toán (Nêu rõ khó khăn, vướng mắc, giải pháp)	Ghi chú
							Kinh phí giao đầu năm	Kinh phí chuyển nguồn các năm trước chuyển sang				
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10	11=10/7	12	13
II	Cấp huyện											
1	UBND HUYỆN ĐỨC CƠ (Năm 2018)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035.	2018-2020	Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai; Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt dự toán Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035; Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035	798,000	798,000		735,717	92,20	Đang lập hồ sơ quyết toán trình duyệt trong tháng 12/2021	
					223,736	223,736		154,910	69,24			
TỔNG CỘNG						1.021,736	1.021,736	-	890,627	87,17		

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng
thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ v/v quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND ngày 08/12/2006 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành danh mục các dự án quy hoạch năm 2016 và danh mục các dự án quy hoạch giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 09/3/2017 của UBND huyện Đức Cơ và Báo cáo thẩm định số 44/BCTĐ-SXD ngày 10/4/2017 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035 với nội dung sau:

1. Tên quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035.

2. Địa điểm và ranh giới quy hoạch:

- Địa điểm: Thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

- Ranh giới: Phía Bắc giáp xã Ia Kla, Ia Dok; phía Nam giáp xã Ia Kriêng, Ia Pnôn; phía Đông giáp xã Ia Kriêng, Ia Krêl; phía Tây giáp xã Ia Pnôn, Ia Kla.

3. Tính chất của đô thị và quy mô quy hoạch.

3.1. Tính chất:

- Là trung tâm hành chính cấp huyện về chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, thương mại dịch vụ, thể dục thể thao của huyện Đức Cơ. Định hướng giai đoạn từ năm 2020-2030 sẽ đầu tư xây dựng đạt các tiêu chí đô thị loại IV.

- Là trọng điểm chiến lược an ninh - quốc phòng của huyện Đức Cơ, của tỉnh Gia Lai và của Việt Nam.

- Là đầu mối giao thông có vai trò quan hệ trực tiếp giữa 2 nước Việt Nam - Cam Pu Chia.

- Là trung tâm kinh tế chuyển tải hàng hóa giữa các nước. Là điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trong nước và trực tiếp là tỉnh Gia Lai.

3.2. Quy mô quy hoạch:

* Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng toàn thị trấn: 13.809 người.

- Dân số định hướng đến năm 2025: 19.000 – 20.000 người.

- Dân số định hướng đến năm 2035: 26.500 - 27.000 người.

* Quy mô đất xây dựng đô thị:

- Quy mô đất xây dựng đô thị định hướng đến năm 2025: 300ha - 400ha.

- Quy mô đất xây dựng đô thị định hướng đến năm 2035: 400ha - 540ha.

* Tỷ lệ lập quy hoạch:

- Lập quy hoạch chung xây dựng với tỷ lệ: 1/5.000.

4. Mục tiêu:

- Xây dựng Chư Ty thành một đô thị xanh, sạch, văn minh, có cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ.

- Kết nối không gian, hạ tầng cũ – mới phù hợp với các khu vực lân cận xung quanh. Khai thác tối đa hệ thống giao thông khu vực, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa các khu chức năng trong và ngoài đô thị.

- Phát triển đô thị mang tính hiện đại, bền vững mang bản sắc địa phương. Lấy chất lượng cuộc sống của cộng đồng các dân tộc là ưu tiên, lấy phát triển kinh tế là quan trọng.

5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

5.1. Chỉ tiêu về sử dụng đất: Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị khoảng 150 - 200 m²/người. Trong đó một số chỉ tiêu chính như sau:

- Chỉ tiêu đất dân dụng: 71-90 m²/người;

- Chỉ tiêu sử dụng đất ở: 50 - 62 m²/người

- Chỉ tiêu đất công trình công cộng: 6 - 8 m²/người.

- Chỉ tiêu đất cây xanh: ≥ 5 m²/người.

- Chỉ tiêu đất giao thông: $10 \div \geq 15$ m²/người ($\geq 18\%$ diện tích đất xây dựng đô thị).

(Các chỉ tiêu được tính toán trong quá trình nghiên cứu quy hoạch)

5.2. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật.

Bảng chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

Hạng mục	Đơn vị tính	Năm tính	
		2025 (Tiêu chuẩn ĐT loại V)	2035 (Tiêu chuẩn ĐT loại IV)
1. Giao thông Đường chính đô thị - Mật độ đường (tính đến đường cấp khu vực) - Tỷ lệ đất giao thông/đất đô thị - Diện tích đất giao thông/dân số nội thị - Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng	km/km ² % m ² /ng %	≥ 6,5 ≥ 18 ≥ 5 ≥ 1	≥ 8 ≥ 18 ≥ 7 ≥ 3
2. Cấp nước - Tiêu chuẩn cấp nước đô thị - Tỷ lệ cấp nước sạch, hợp vệ sinh - Tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp	l/người/ngày % m ³ /ha	≥ 80 ≥ 80 35	100 ≥ 90 35
3. Thoát nước bẩn, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang - Tiêu chuẩn nước thải dân dụng - Thu gom chất thải rắn + Tiêu chuẩn chất thải rắn phát sinh + Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt - Nghĩa trang	% cấp nước (kg/ng. ng) % ha/10.000 người	80% 0,8 ≥ 85 0,6	80% 1,0 ≥ 90 0,6
4. Cấp điện - Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt - Tiêu chuẩn cấp điện công cộng và dịch vụ - Tiêu chuẩn cấp điện công nghiệp - TTCN	kW/ng/năm kW/ha	≥ 250 30% sinh hoạt 140-250	≥ 500 30% sinh hoạt 140-250

6. Định hướng phát triển không gian và quy hoạch sử dụng đất:

- Quy hoạch đô thị Chư Ty phù hợp với các yêu cầu phát triển của từng giai đoạn ngắn hạn và dài hạn.

- Phát triển không gian đô thị tới 2035 về phía Bắc, xây dựng tuyến đường tránh Quốc lộ 19 phân định ranh giới quy hoạch của thị trấn, định hướng giới hạn khu vực nội thị của thị trấn.

- Hình thành các quỹ đất dự phòng công trình công cộng, dịch vụ, các khu dân cư mới.

- Xác định mục tiêu, tính chất và động lực phát triển đô thị.

- Xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cho từng khu vực chức năng.

- Nghiên cứu cơ cấu tổ chức không gian và phân vùng phát triển không gian bao gồm không gian phát triển và chỉnh trang đô thị hiện hữu, không gian phát triển đô thị mới, không gian sản xuất nông nghiệp, các vùng không gian cây xanh cảnh quan và phòng hộ theo hướng tiết kiệm quỹ đất.

- Định hướng phát triển không gian đô thị, hướng phát triển đô thị, tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng, trục không gian chính.

- Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, đào tạo.

- Định hướng phát triển hệ thống công viên cây xanh, không gian công cộng và quảng trường đô thị.

- Thiết kế đô thị tổng thể: Đề xuất các giải pháp thiết kế đô thị tổng thể, bao gồm các không gian điểm nhấn, các công trình điểm nhấn của đô thị như các công trình cửa ngõ, các công trình công cộng phục vụ cấp tiểu vùng, các trục trọng điểm cần kiểm soát không gian, các vùng kiểm soát không gian.

- Xác định các chỉ tiêu về kiến trúc công trình: Tầng cao xây dựng, mật độ xây dựng, mật độ cư trú, hệ số sử dụng đất, các chỉ giới xây dựng và các chỉ giới bảo vệ các công trình di tích, hạ tầng kỹ thuật đô thị...

- Các khu dân cư hiện trạng: Chỉnh trang lại, quy định chiều cao nhà, khoảng lùi công trình.

7. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

7.1. Hệ thống giao thông:

- Đánh giá tình hình triển khai xây dựng hệ thống giao thông theo đồ án quy hoạch chung trước đó.

- Xác định giải pháp quy hoạch mạng lưới giao thông (giao thông đối nội và đối ngoại) để phát triển các vùng mới, các trung tâm đô thị mới, kết nối hợp lý với các đô thị khác trong vùng; xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; xác định các chỉ giới đường đỏ cho các trục đường chính đô thị và hệ thống tuynel kỹ thuật gắn kết với giao thông.

- Dự kiến khả năng phát triển và tổ chức mạng lưới giao thông vận tải hành khách công cộng.

- Diện tích cây xanh dự kiến quy hoạch gồm cây xanh trong khuôn viên công trình, cây xanh công viên, cây xanh vỉa hè.

7.2. Chuẩn bị nền đất xây dựng:

- Đánh giá cao độ cốt nền xây dựng trước đó.

- Xác định cốt xây dựng cho đô thị và từng khu vực.

- Xác định khu vực cấm xây dựng, hạn chế xây dựng.

- Xác định lưu vực và phân lưu vực tiêu thoát nước chính; hướng thoát nước, vị trí, quy mô các công trình tiêu thoát nước.

7.3. Hệ thống cấp nước:

- Đánh giá tình hình triển khai xây dựng hệ thống cấp nước theo đồ án quy hoạch trước đó.

- Đánh giá lựa chọn nguồn nước mới - cũ, khai thác bền vững, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu sử dụng theo các giai đoạn phát triển.

- Xác định các vùng bảo vệ nguồn nước (*quan trọng*), công trình đầu mối và mạng lưới cấp nước đảm bảo tính an toàn về môi trường.

- Thiết kế hệ thống các công trình cấp nước đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật có tính kết nối, đảm bảo lưu lượng, áp lực cung cấp nước.

- Hệ thống cấp nước đặt dọc theo các tuyến giao thông. Làm rõ nguồn cung cấp nước, đảm bảo phát triển bền vững cho đô thị; xác định chỉ tiêu nhu cầu cấp nước, các công trình cấp nước và mạng lưới phân phối nước chủ yếu, đảm bảo sử dụng tiết kiệm hợp lý nguồn nước, giảm thiểu thất thoát.

- Dựa trên cốt nền, nghiên cứu các giải pháp cấp nước, phân chia khu vực cấp nước. Đánh giá về địa hình, các tai biến địa chất nhằm giảm thiểu thiệt hại về đường ống trước các tác động biến đổi khí hậu.

7.4. Hệ thống cấp điện và chiếu sáng đô thị:

Hệ thống cấp điện khu vực quy hoạch được bố trí đến chân công trình. Tính toán các chỉ tiêu và phụ tải, xác định nguồn và các trạm biến thế, quy hoạch mạng lưới phân phối chính; nghiên cứu chiếu sáng đô thị đảm bảo yêu cầu sử dụng, mỹ quan đô thị và kinh tế.

7.5. Hệ thống nước thải - vệ sinh môi trường:

7.5.1. Hệ thống nước thải:

- Đánh giá toàn bộ lại hệ thống thoát nước đô thị, xác định hướng thoát nước chính theo cốt nền xây dựng.

- Xác định chỉ tiêu nhu cầu thoát nước thải, các giải pháp thu gom và xử lý nước thải, quy hoạch hệ thống thoát nước thải tách biệt với hệ thống thoát nước mưa; khai thác, kết hợp hợp lý giữa hệ thống thoát nước đô thị và hệ thống tưới, tiêu trong nông nghiệp.

- Khống chế cốt xây dựng hệ thống nước thải chủ yếu của đô thị và từng khu vực; nghiên cứu các giải pháp thoát nước mưa, phân chia lưu vực thoát nước chính, hướng thoát và các giải pháp phòng tránh thiên tai, lũ lụt; đánh giá về địa hình, các tai biến địa chất nhằm giảm thiểu các tác động biến đổi khí hậu.

7.5.2. Vệ sinh, môi trường:

- Xác định chỉ tiêu nhu cầu thu gom chất thải rắn, quy hoạch hệ thống các công trình xử lý theo hướng hiện đại và bố trí các bãi chôn lấp chất thải rắn ở địa điểm thích hợp; quy hoạch các nghĩa trang. Chất thải của được xử lý qua bể tự hoại của mỗi hộ dân trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của đô thị; rác thải sinh hoạt của mỗi hộ dân được thu gom vào khu vực xử lý.

- Nước thải sinh hoạt xử lý tập trung đạt tiêu chuẩn loại A-TCVN14-2008/BTNMT.

7.6. Hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc:

- Đánh giá tình hình triển khai xây dựng hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc theo đồ án quy hoạch trước đó.

- Tính toán, xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối; mạng lưới đường dây trung thế và hệ thống chiếu sáng đô thị đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Xác định nhu cầu và mạng lưới thông tin liên lạc.

- Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc mới phù hợp các yêu cầu phát triển của đô thị theo mục tiêu đề ra.

7.7. Đánh giá môi trường chiến lược: Thể hiện trong quá trình nghiên cứu quy hoạch.

8. Hồ sơ đồ án thể hiện:

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng, tỷ lệ: 1/10.000- 1/25.000.

- Bản đồ hiện trạng: Sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hệ thống hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại, cây xanh, nhà ở...); hiện trạng giao thông, cấp điện và chiếu sáng đô thị, cấp nước, cao độ nền và thoát nước mưa, thoát nước bẩn, thu gom chất thải rắn, nghĩa trang, môi trường, tỷ lệ: 1/5.000.

- Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng trên cơ sở thuyết minh, có tiêu chí đánh giá phù hợp về địa hình, điều kiện hiện trạng, địa chất thủy văn; đánh giá về giá trị sử dụng đất: Xác định các khu vực thuận lợi, ít thuận lợi, không thuận lợi cho phát triển các khu chức năng đô thị; xác định các vùng cấm, hạn chế phát triển đô thị, tỷ lệ: 1/5.000.

- Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (các sơ đồ phân tích hiện trạng và đề xuất các phương án kèm theo thuyết minh nội dung về tiêu chí xem xét, lựa chọn các phương án), tỷ lệ: 1/5.000.

- Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị, tỷ lệ: 1/5.000.

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng theo các giai đoạn quy hoạch, tỷ lệ: 1/5.000.

- Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ: 1/5.000.

- Các bản vẽ thiết kế đô thị, tỷ lệ: 1/5.000.

- Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược: Hiện trạng và đánh giá môi trường chiến lược, tỷ lệ: 1/5.000.

- Báo cáo tổng hợp gồm thuyết minh và các văn bản pháp lý liên quan, tờ trình phê duyệt đồ án quy hoạch.

9. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Cơ quan thẩm định quy hoạch: Sở Xây dựng Gia Lai.

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ.

- Thời gian lập quy hoạch: Không quá 12 tháng kể từ khi nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

10. Nguồn vốn: Ngân sách cấp.

Điều 2. UBND huyện Đức Cơ tổ chức lập quy hoạch theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ và pháp luật của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch & Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Đức Cơ và Thủ trưởng các Sở, ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Đ/c Chánh VP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CNXD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Võ Ngọc Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 153 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 13 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về Quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư công của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035;

Theo đề nghị của UBND huyện Đức Cơ tại Tờ trình số 160/TTr-UBND ngày 18/12/2017 và kết quả thẩm định dự toán của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 02/BC-SXD ngày 04/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán Điều chỉnh quy hoạch chung Xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035, với những nội dung sau:

1. Tên quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ.

3. Địa điểm: Thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ.

4. Đơn vị lập dự toán: Trung tâm quy hoạch xây dựng Gia Lai.

5. Đơn vị thẩm tra dự toán: Phân viện kinh tế xây dựng Miền Nam – Bộ Xây dựng.

6. Cơ quan thẩm định dự toán: Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai.

7. Tổng dự toán chi phí lập quy hoạch: 1.021.736.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, không trăm hai mươi một triệu, bảy trăm ba mươi sáu ngàn đồng chẵn*).

Trong đó:

- Dự toán chi phí khảo sát: 181.928.000 đồng (đã được UBND huyện Đức Cơ phê duyệt tại Quyết định số 2710/QĐ-UBND ngày 31/10/2017).

- Các chi phí theo kết quả thẩm định: 839.928.000 đồng, chi tiết theo bảng sau:

1	Chi phí lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung sau thuế:	596.382.000 đồng
2	Chi phí lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung sau thuế:	60.831.000 đồng
3	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch:	11.060.000 đồng
4	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch:	50.963.000 đồng
5	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch:	46.626.000 đồng
6	Chi phí tổ chức lấy ý kiến cộng đồng:	10.843.000 đồng
7	Chi phí công bố đồ án quy hoạch:	16.265.000 đồng
8	Chi phí thẩm tra tổng dự toán:	20.000.000 đồng
9	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán:	9.450.000 đồng
10	Chi phí kiểm toán	17.508.000 đồng

8. Nguồn vốn:

- Ngân sách tỉnh cấp 798.000.000 đồng.

- Ngân sách huyện cấp 223.736.000 đồng.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ có trách nhiệm quản lý, tổ chức triển khai theo đúng quy trình, quy định của Nhà nước; chịu trách nhiệm về chất lượng quy hoạch và tiến độ thực hiện; tổ chức lựa chọn đơn vị lập quy hoạch theo quy định pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho Bạc Nhà nước Gia Lai, Chủ tịch UBND huyện Đức Cơ và Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT, TH, CNXD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng
thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ, quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ, sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng, quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND ngày 08/12/2006 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035;

Căn cứ Thông báo số 54-TB/TU của Tỉnh ủy Gia Lai ngày 28/12/2020, kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy về điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035;

Xét Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 21/1/2021 của UBND huyện Đức Cơ và Báo cáo thẩm định số 16/BC-SXD ngày 01/02/2021 của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035 với nội dung sau:

1. Tên quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035.

2. Phạm vi và ranh giới quy hoạch:

2.1. Phạm vi: Thực hiện trong ranh giới toàn thị trấn Chư Ty với tổng diện tích tự nhiên là 1.544,50 ha.

2.2. Ranh giới quy hoạch:

- Phía Bắc : Giáp xã Ia Kla, Ia Dơk.
- Phía Nam : Giáp xã Ia Kriêng, Ia Phôn.
- Phía Đông : Giáp xã Ia Kriêng, Ia Krêl.
- Phía Tây : Giáp xã Ia Pnôn, Ia Kla.

3. Tính chất đô thị và quy mô quy hoạch:

3.1. Tính chất đô thị:

- Thị trấn Chư Ty là thị trấn huyện lỵ huyện Đức Cơ, trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Đức Cơ; có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh của tỉnh Gia Lai nói riêng và khu vực Tây Nguyên nói chung.

- Là đô thị trung tâm kết nối với Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh; là đầu mối giao thương và điểm trung chuyển hàng hóa, khách du lịch quan trọng trên tuyến hành lang Đông - Tây giữa hai nước Việt Nam - Campuchia, đảm bảo cung ứng dịch vụ hậu cần cho hoạt động của khu vực cửa khẩu; là địa điểm gắn kết du lịch với các huyện biên giới của tỉnh và điểm dừng chân lưu trú cho khách du lịch quốc tế qua cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.

3.2. Mục tiêu:

- Xây dựng thị trấn Chư Ty thành một đô thị xanh, sạch, văn minh, có cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, phù hợp với quy hoạch phát triển Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh và xu thế phát triển chung của khu vực Tây Nguyên trong tam giác phát triển.

- Kết nối không gian, hạ tầng phù hợp với các khu vực lân cận xung quanh; khai thác tối đa hệ thống giao thông khu vực, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa các khu chức năng trong và ngoài đô thị.

- Phát triển đô thị mang tính hiện đại, bền vững mang bản sắc địa phương; lấy chất lượng cuộc sống của cộng đồng các dân tộc là ưu tiên, lấy phát triển kinh tế là quan trọng.

- Định hướng giai đoạn từ năm 2020-2030 sẽ đầu tư xây dựng đạt các tiêu chí đô thị loại IV.

3.3. Quy mô quy hoạch:

a) Quy mô dân số:

- Hiện trạng dân số thị trấn năm 2019: 14.238 người.
- Định hướng dân số đến năm 2025: 16.500 - 17.500 người.
- Định hướng dân số đến năm 2035: 21.500 - 22.500 người.

b) Quy mô đất xây dựng đô thị:

- Quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2025 khoảng 350-400 ha.
- Quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2035 khoảng 450-500 ha.

c) Tỷ lệ lập quy hoạch: Lập quy hoạch chung xây dựng với tỷ lệ 1/5.000.

3.4. Giai đoạn lập quy hoạch: Đến năm 2035.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và hướng phát triển của đô thị:

4.1. Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

a) Luận cứ để xây dựng chỉ tiêu sử dụng đất để làm cơ sở lập quy hoạch:

- Thực trạng sử dụng đất ở có tính đặc thù của đô thị miền núi, khu vực có địa hình dốc, phức tạp, có diện tích đất trồng cao su rất lớn, có các làng bản đã tồn tại từ lâu đời; đô thị có đặc thù gắn với nền kinh tế nông nghiệp, khuôn viên đất ở có diện tích tương đối lớn, nhà ở chủ yếu thấp tầng; phong tục tập quán đối với không gian ở có gắn với trồng cây lâu năm, vườn nhà, chăn nuôi....Hiện trạng chỉ tiêu sử dụng đất ở/người là 197,55 m²/người;

- Căn cứ chỉ tiêu sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020, kế hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ đến năm 2020 đã được UBND tỉnh lần lượt phê duyệt tại các Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 10/6/2019, 357/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 và Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 06/2/2020.

b) Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị đến năm 2035 dự kiến 200-220 m²/người, bao gồm đất dân dụng, đất ở đô thị, đất công trình dịch vụ công cộng, đất cây xanh - mặt nước, thể dục thể thao, đất giao thông...

4.2. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

Theo Nghị Quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII về phân loại đô thị; Thông tư 01/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 01/02/2016 về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

Bảng chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

Số TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm tính	
			2020-2025 (Tiêu chuẩn đô thị loại V)	2026-2035 (Tiêu chuẩn đô thị loại IV)
1	Giao thông			
	Đường chính đô thị			
	- Mật độ đường (tính đến đường cấp khu vực)	km/km ²	≥ 6,5	≥ 8
	- Tỷ lệ đất giao thông/đất đô thị	%	≥ 13	≥ 18
	- Diện tích đất giao thông/dân số	m ² /người	≥ 7	≥ 7
	- Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng	%	≥ 1	≥ 2
2	Cấp nước			
	Tiêu chuẩn cấp nước đô thị	L/người/ngày	≥ 80	100
	- Tỷ lệ cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	100	100
	Tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp	m ³ /ha-ngđ	35	35
3	Thoát nước bẩn, quản lý chất thải rắn			
	Tiêu chuẩn nước thải dân dụng	% cấp nước	80%	80%
	Thu gom chất thải rắn			
	- Tiêu chuẩn chất thải rắn phát sinh	(Kg/ng.ng)	0,8	1,0
	- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	≥ 85	≥ 90
4	Cấp điện			
	- Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt	W/người	≥ 200	≥ 330
	- Tiêu chuẩn cấp điện công cộng và dịch vụ		30%	30%

	- Tiêu chuẩn cấp điện công nghiệp - TTCN	kw/ha	sinh hoạt 140 -250	sinh hoạt 140 - 250
--	--	-------	-----------------------	------------------------

4.3 Hướng phát triển đô thị:

- Quy hoạch định hướng đến năm 2035 quỹ đất thị trấn cần mở rộng và phát triển thêm về phía Tây, Bắc và phía Đông Bắc.

5. Định hướng phát triển không gian đô thị:

* Định hướng phát triển không gian: Theo địa giới hành chính của thị trấn Chư Ty thì việc định hướng phát triển đô thị theo 4 khu chức năng chính.

- Khu vực 1: Khu trung tâm chính cấp huyện, hiện tại là vùng lõi của đô thị bắt đầu từ đầu thị trấn phía Đông đến ngã ba Sung Le, bao gồm trụ sở các cơ quan chính trị, hành chính, giáo dục, văn hóa, y tế, thể thao, công viên... và khu dân cư đã ổn định dọc các tuyến đường trục chính. Trong đó các công trình công cộng dịch vụ thương mại nằm dọc tuyến đường Quang Trung. Định hướng toàn bộ khu vực này chủ yếu tập trung chỉnh trang về mặt kiến trúc cảnh quan đô thị, bố trí quỹ đất để kêu gọi thu hút đầu tư phát triển thương mại dịch vụ, phát triển thêm các khu dân cư mới tuyến 2, tuyến 3 của đường Quang Trung.

- Khu vực 2: Khu vực mở rộng quy hoạch xây dựng thị trấn về phía Bắc (từ đường Quang Trung và vùng lõi trung tâm đến đường vành đai phía Bắc). Định hướng chính cho khu vực này bổ sung quỹ đất để phát triển các chức năng tương xứng là đô thị trung tâm của toàn Khu kinh tế cửa khẩu (theo Quyết định số 139/2001/QĐ-TTg ngày 21/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ không gian khu kinh tế cửa khẩu đường 19 gồm đô thị trung tâm là thị trấn Chư Ty và các xã Ia Kla, Ia Dom, Ia Nan, Ia Pnôn thuộc huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai với tổng tích tự nhiên 41.515 ha). Cụ thể các chức năng như sau: thương mại - dịch vụ, khu dân cư mới, công cộng, đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa, cung ứng các dịch vụ hậu cần cho hoạt động của khu vực Cửa khẩu dọc theo hai bên tuyến đường vành đai Bắc.

- Khu vực 3: Khu vực mở rộng quy hoạch xây dựng thị trấn về phía Nam (từ đường Quang Trung và vùng lõi trung tâm đến hết ranh giới phía Nam thị trấn và khu dân cư làng Trol Đen). Đây là khu vực định hướng quy hoạch bố trí quỹ đất để phát triển thương mại- dịch vụ, khu dân cư, đất giãn dân cho đồng bào tại chỗ, bố trí đất công cộng đơn vị ở, sân vận động, hoa viên cây xanh và nhà trẻ mẫu giáo...; Cải tạo các hợp thủy để khai thác cảnh quan; phát triển, bảo tồn làng Trol Đen hiện có, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kết hợp du lịch nghỉ dưỡng theo mô hình Homestay.

- Khu vực 4: Khu vực vùng ven thị trấn, bao gồm các khu dân cư xen kẽ đất nông nghiệp dọc tuyến suối và đất nông nghiệp còn lại của thị trấn. Định hướng khu vực này là khu dân cư mật độ thấp, nhà vườn gắn với cảnh quan sinh thái nông nghiệp ven đô thị.

- Các chức năng khác ngoài đô thị: Một số khu chức năng nằm ngoài ranh giới đô thị nhưng có vai trò đối với thị trấn như: Khu sản xuất, thương mại - dịch vụ, nghĩa trang, khu xử lý rác thải, trạm xử lý nước thải, các điểm di tích lịch sử, khai thác du lịch, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các công trình hạ tầng khác được bố trí ngoài ranh giới thị trấn thuộc các xã lân cận.

* Các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật phục vụ đô thị:

- Bến xe:

+ Bến xe quy mô 1,62ha nằm tại phía Đông của thị trấn, đáp ứng được nhu cầu đậu đỗ xe, trung chuyển hành khách, hàng hóa, dịch vụ công cộng.

+ Quy hoạch mới bến xe tại khu vực điểm đầu đường tránh quốc lộ 19 phía Đông thị trấn (thuộc xã Ia Kriêng) phục vụ cho nhu cầu trung chuyển và dừng nghỉ cho các phương tiện lưu thông ngang qua thị trấn.

- Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Hiện nay toàn huyện có khu sản xuất, kinh doanh tập trung đang phát triển và kinh doanh ổn định, chủ yếu cho các cơ sở nhỏ. Các nhà máy xí nghiệp có quy mô lớn định hướng đưa về khu công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu nằm tại trung tâm khu kinh tế cách thị trấn Chư Ty khoảng 25km và định hướng quy hoạch cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp tại xã Ia Kriêng có quy mô 30 - 50 ha.

- Khu giết mổ tập trung được bố trí tại xã Ia Kriêng có quy mô 2-5ha.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phát triển du lịch: Nhà hàng, khách sạn, các điểm dừng chân, điểm vui chơi giải trí; xây dựng, liên kết các tour du lịch văn hóa - sinh thái đến các điểm du lịch trên địa bàn huyện: Di tích lịch sử chiến thắng Chư Ty, di tích lịch sử chiến thắng Chư Bô, Quốc môn cửa khẩu quốc tế Lê Thanh, nghĩa trang liệt sỹ huyện Đức Cơ, rừng Giáng Hương, cây đa làng Ghè, thác ông Đồng, suối Đồi, suối Ia Dao, sông Sê San...

* Định hướng hệ thống công viên, mảng xanh cảnh quan, không gian mở vị trí công viên Đức Cơ, Đồi Chư Ty, các khu vực hợp thủy tại tổ dân phố 5, 7 và các hoa viên xây xanh tại các khu dân cư.

* Định hướng phát triển du lịch: Kêu gọi đầu tư, khai thác du lịch Homestay kết hợp với các dịch vụ đầu mối, hậu cần cho hoạt động của khu vực cửa khẩu; du lịch văn hóa làng đồng bào tại làng Trol Đen; liên kết các tour du lịch văn hóa - sinh thái đến các điểm du lịch trên địa bàn huyện: Di tích lịch sử chiến thắng Chư Ty, di tích lịch sử chiến thắng Chư Bô, Quốc môn cửa khẩu quốc tế Lê Thanh, nghĩa trang liệt sỹ huyện Đức Cơ, rừng Giáng Hương, cây đa làng Ghè, thác ông Đồng, suối Đồi, suối Ia Dao, sông Sê San...

6. Quy hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn quy hoạch:

- Quy hoạch định hướng đến năm 2035 quỹ đất thị trấn cần mở rộng và phát triển thêm về phía Tây, Bắc và phía Đông Bắc.

- Cơ cấu sử dụng đất toàn thị trấn như sau:

Bảng tổng hợp sử dụng đất toàn thị trấn theo từng giai đoạn

STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng đầu năm 2019 Dân số 14.238 người			Định hướng đến năm 2025 Dân số 16.500-17.500 người			Định hướng đến năm 2035 Dân số 21.500-22.500 người		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ Tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ Tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ Tiêu (m ² /người)
A	SỬ DỤNG ĐẤT TRONG ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THỊ TRẤN CHƯ TY	1.544,50	100%		1.544,50	100%		1.544,50	100%	
I	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	281,27	18,21%	197,55	350,00	22,66%	200,00	450,00	29,14%	200,00
1	ĐẤT DÂN DỤNG	213,75	13,84%	150,13	273,91	17,73%	156,52	362,87	23,49%	161,27
1.1	Đất ở	77,76	5,03%	54,61	95,70	6,20%	54,69	123,20	7,98%	54,76
1.2	Đất công trình công cộng, dịch vụ đô thị	38,11	2,47%	26,77	57,33	3,71%	32,76	79,93	5,17%	35,52
1.3	Đất văn hóa, sinh hoạt cộng đồng, công viên,	18,37	1,19%	12,90	37,58	2,43%	21,47	66,44	4,30%	29,53

STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng đầu năm 2019 Dân số 14.238 người			Định hướng đến năm 2025 Dân số 16.500-17.500 người			Định hướng đến năm 2035 Dân số 21.500-22.500 người		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ Tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ Tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ Tiêu (m ² /người)
	cây xanh, thể dục thể thao									
1.4	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	79,51	5,15%	55,84	83,30	5,39%	47,60	93,30	6,04%	41,46
2	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	67,52	4,37%	47,42	76,09	4,93%	43,48	87,14	5,64%	38,73
II	ĐẤT KHÁC	1.263,23	81,79%		1.194,50	77,34%		1.094,50	70,86%	
B	SỬ DỤNG ĐẤT NGOÀI ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THỊ TRẤN CHỦ TY	20,12			57,28			177,28		

7. Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Quốc lộ 19 có chỉ giới xây dựng 40-50m, mặt đường bê tông nhựa rộng 15-19m, dải phân cách rộng 2,0m.

- Nâng cấp các trục đường liên xã có chỉ giới 25-30m, mặt đường bê tông nhựa rộng từ 7,5 - 16m.

- Đầu tư nâng cấp đường Lê Đại Hành chỉ giới 30m.

b) Giao thông chính đô thị:

- Chính trang, nâng cấp đường Anh Hùng Núp có chỉ giới xây dựng 30m.

- Quy hoạch mới tuyến đường Huỳnh Thúc Kháng đi trạm xử lý nước thải ở phía Bắc và kết nối với trục đường tránh quốc lộ 19 đi xã Ia Kla có chỉ giới 20m.

- Quy hoạch mới trục đường Nguyễn Du đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đi xã Ia Dok có chỉ giới 30m.

c) Công trình đầu mối:

- Bến xe huyện hiện nay đã đảm bảo về quy mô nhưng cần đầu tư chỉnh trang và nâng cấp về cơ sở hạ tầng, bổ sung các công trình chức năng cần thiết cho bến xe nhằm phục vụ nhu cầu vận tải hành khách liên huyện, liên tỉnh.

- Quy hoạch mới bãi đậu xe tải tại khu vực phía Đông thị trấn giáp đường Nguyễn Thái Học (đi xã Ia Kriêng).

- Quy hoạch các bãi đậu xe tĩnh trong đô thị trên đường Anh Hùng Núp (0,27ha), trên đường Tôn Đức Thắng (0,4ha), giáp Công an huyện (0,17ha) và tại các khu thương mại dịch vụ, hoa viên cây xanh, các khu có chức năng công cộng, các khu phát triển mới trong đô thị.

**Bảng tổng hợp hệ thống giao thông khu vực nội thị
(đến đường cấp khu vực trở lên)**

Stt	Tên loại đường	Lòng đường (m)	Dải phân cách (m)	Via hè (m)	Chỉ giới giao thông (m)	Ghi chú
1	Mặt cắt 1-1	10,5x2	2,0	(8,5-13,5)x2	40,0 - 50,0	
2	Mặt cắt 2-2	9,5x2	2,0	4,5x2	30,0	
3	Mặt cắt 3-3	10,5-16,0		(7,25-8,0)x2	25,0 - 30,0	
4	Mặt cắt 4-4	10,5		(4,75-7,25)x2	20,0 - 25,0	
5	Mặt cắt 4A-4A	10,5	5,0 (dải cây xanh)	4,75x2	25,0	

			ta-luy)			
6	Mặt cắt 5-5	2x10,5	13,0	5,0x2	44,0	

Ghi chú:

- Các tuyến đường có chỉ giới nhỏ hơn 20m, bề rộng lòng đường, vỉa hè, dải phân cách sẽ được cụ thể hóa tại các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và phù hợp với từng giai đoạn đầu tư.
- Đối với bề rộng lòng đường, vỉa hè, dải phân cách tuân thủ theo QCVN 07-2016/BXD. Tùy theo nhu cầu đầu tư có thể xem xét bề rộng lòng đường, vỉa hè, dải phân cách cho phù hợp và đảm bảo định hướng lâu dài tránh lãng phí đầu tư.
- Kích thước, tiết diện đường dây đường ống bố trí theo hệ thống giao thông. Trong quá trình đầu tư xây dựng cần tính toán cụ thể theo QCVN, TCVN; đảm bảo công suất thiết kế.

7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

a) Cao độ nền:

- Kết hợp địa hình tự nhiên và phương pháp san lấp cục bộ, tạo độ dốc thoát nước, tránh ngập úng đảm bảo hài hòa cảnh quan chung với khu vực xung quanh.

- Đối với khu vực trung tâm thị trấn hiện hữu và các khu vực đã xây dựng với mật độ cao thì chủ yếu san lấp cục bộ trong quá trình cải tạo chỉnh trang đô thị nhằm tạo độ dốc thoát nước, tránh ngập úng cục bộ. Trường hợp không có khả năng cải tạo tôn nền chống ngập có thể xây dựng bờ bao ven sông suối để chống ngập cho các khu vực.

- Đối với các khu vực xây dựng mới có địa hình cao không ngập lụt phương án quy hoạch chiều cao sẽ bám theo địa hình tự nhiên, san lấp cục bộ tạo mặt bằng xây dựng, hạn chế phá vỡ mặt phủ tự nhiên để chống hiện tượng xói lở do mưa lũ.

- Quy hoạch cao độ nền phải kết hợp chặt chẽ với quy hoạch thoát nước mưa.

- Cao độ nền xây dựng dự kiến:

- + Cao độ thiết kế cao nhất: 451,53m.
- + Cao độ thiết kế thấp nhất: 379,00m.
- + Cao độ thiết kế trung bình: 415,27m.

- Độ dốc nền từng khuôn viên công trình đạt $i = 0,4\% \div 5,0\%$ để đảm bảo thoát nước tự chảy.

b) Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế theo các tuyến giao thông và các khu tụ thủy.

- Hiện trạng thoát nước mưa tại các khu vực cơ quan hành chính, công cộng, thương mại, dịch vụ, sản xuất, y tế, giáo dục và khu dân cư hiện trạng hầu hết thải ra hệ thống mương thu có nắp đan và các mương hở theo trục đường hiện có.

- Lưu vực thoát nước: Toàn bộ đô thị trấn Chư Ty chia ra làm 2 lưu vực thoát nước chính, phía Bắc đường Quang Trung, phía Nam đường Quang Trung. Trong mỗi lưu vực chính phân ra các lưu vực phụ:

+ Lưu vực số 1 (phía Bắc đường Quang Trung): Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng mới kết hợp với hiện hữu, hướng thoát nước xuống các khe tụ thủy chảy về suối thuộc xã Ia KLa.

+ Lưu vực số 2 (phía Nam đường Quang Trung): Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng mới kết hợp với hiện hữu, hướng thoát nước xuống các khe tụ thủy chảy về suối thuộc xã Ia Kriêng.

- Công thoát mưa sử dụng công tròn bê tông ly tâm có đường kính D800 đến D1.500.

- Giai đoạn đầu: Sử dụng hệ thống thoát nước mưa và nước thải chung.

- Giai đoạn dài hạn: Sử dụng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng

c) Chuẩn bị kỹ thuật hạ tầng:

- Thực hiện ngầm hóa hạ tầng kỹ thuật theo từng bước phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với đặc thù của các khu vực hiện hữu và khu vực phát triển mới. Khuyến khích thực hiện ngầm hóa đối với các dự án đầu tư tại những khu vực định hướng mới.

7.3. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

a) Tính toán nhu cầu phụ tải điện:

- Tổng công suất cấp điện tính toán cho toàn thị trấn: $P = 14.125 \text{ KW}$.

- Chọn hệ số sử dụng $K_{sd} = 0,7$; hệ số $\cos\varphi = 0,8$

- Tổng công suất của các trạm biến áp phụ tải $S = 12.359 \text{ KVA}$.

b) Nguồn điện:

- Hiện tại toàn thị trấn được cấp điện từ TBA trung gian 110/35/22KV Đức Cơ, công suất 1x25MVA.

- Nâng công suất trạm 110/35/22KV Đức Cơ từ 1x25MVA thành 2x25MVA.

c) Mạng điện phân phối:

- Thực hiện ngầm hóa hệ thống cấp điện và thông tin liên lạc theo từng bước phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Khuyến khích thực hiện ngầm hóa đối với các dự án đầu tư tại những khu vực định hướng mới.

- Cải tạo đường dây 22KV hiện có cáp trần thành cáp bọc đi nổi trong nội thị.

- Xây mới đường dây 22 KV cáp bọc đi trên cột bê tông ly tâm

- Xây mới các tuyến 0,4 KV dùng cáp vặn xoắn.

- Đối với trạm biến áp cấp điện cho phụ tải dân sinh trong khu vực đô thị có bán kính $\leq 300\text{m}$ hoặc $\leq 800\text{m}$ tùy thuộc vào mật độ phụ tải.

- Xây dựng thêm các trạm hạ thế với bán kính cấp điện không quá 300m.

- Các trạm biến áp chuyên dùng của khách hàng sử dụng công suất lớn được thiết kế phù hợp với quy mô phụ tải.

d) Chiếu sáng đô thị:

- Lưới điện chiếu sáng giao thông trong thị trấn dùng 3 pha có cấp điện áp 380/220V.

- Cáp ngầm cấp chiếu sáng dùng loại CU/XLPE/DSTA/PVC chôn trong mương đất. Hệ thống chiếu sáng bao gồm các đèn cao áp trên cột liên căn bố trí

dọc theo các trục đường giao thông.

- Lưới chiếu sáng đường: Trên các trục đường chính dùng cáp ngầm, trên các đường nội bộ dùng dây nổi ABC bắt chung cột với các đường dây 22KV và 0,4KV. Tiết diện đường trục chính từ 16mm² đến 25mm², các nhánh rẽ với các đường dây nổi 16mm² với các đường cáp ngầm có thể nhỏ hơn 16 mm².

- Đèn chiếu sáng dùng bóng đèn thủy ngân cao áp 125W đến 250W hoặc bóng LED 100W đến 120W khoảng cách trung bình giữa các đèn 30m - 50m.

7.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

a) Tính toán nhu cầu cấp nước: Dự báo nhu cầu cấp nước toàn thị trấn giai đoạn đến năm 2035 đối với đô thị loại IV là 3.645m³/ngày-đêm.

b) Nguồn nước:

- Giai đoạn đến 2025: Sử dụng nguồn nước của 03 trạm cấp nước hiện hữu của thị trấn, tổng công suất $Q = 2.156 \text{ m}^3/\text{ngày-đêm}$ (nước giếng khoan).

- Giai đoạn dài hạn: Xây dựng thêm 01 trạm cấp nước công suất $Q=3.000\text{m}^3/\text{ngày-đêm}$. Dự kiến nguồn nước lấy từ việc ngăn đập tràn suối Ia Krêl (xã Ia Dom) làm hồ thủy lợi và nguồn nước sông Sê San để lấy nước thô xử lý thành nước sạch bơm về thị trấn để cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Chư Ty và các xã lân cận trên địa bàn huyện.

c) Phương án cấp nước sinh hoạt cho thị trấn:

- Từ trạm cấp nước trong khu đô thị xây dựng mới các tuyến ống cấp nước chính, nhánh, phân phối có đường kính từ D250 - D100 dọc theo các tuyến đường của thị trấn phục vụ nhu cầu các khu chức năng xây dựng mới. Kết nối phù hợp với mạng lưới ống hiện hữu đảm bảo cấp nước đủ, liên tục, an toàn cho nhu cầu dùng nước của thị trấn theo các giai đoạn phát triển.

- Mạng lưới đường ống bố trí dạng vòng, cắt kết hợp thuận tiện cho việc phân phối nước đến các điểm tiêu thụ. Vật liệu ống bằng gang dẻo hoặc ống nhựa...

- Tiếp tục sử dụng mạng lưới ống hiện có và đặt mới các tuyến ống cho các khu chức năng xây dựng mới đảm bảo cấp nước đủ cho nhu cầu của thị trấn.

- Duy trì, bảo dưỡng mạng lưới đường ống tránh thất thoát.

- Áp lực dự kiến trong mạng cấp 1 vào giờ cao điểm là $\geq 15\text{m}$, đủ cấp nước cho nhà cao từ 2 - 3 tầng.

- Để điều hòa áp lực và lưu lượng nước giờ cao điểm dùng máy bơm biến tần có điều khiển tự động.

- Nước được qua xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống: QCVN 01-2009/BYT rồi mới cấp cho sử dụng sinh hoạt.

- Trên mạng lưới cấp nước bố trí các trụ cứu hỏa $\Phi 100$ theo tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy TCVN 2622-1995 phục vụ công tác chữa cháy trong đô thị.

d) Cấp nước chữa cháy.

- Dự kiến lưu lượng nước phục vụ PPCC là 648m³.

- Nguồn dự trữ nước PCCC từ các bể nước ngầm tại trạm cấp nước và hồ điều hòa công viên cây xanh công cộng. Tận dụng nguồn nước tại các sông suối, hồ nước trên địa bàn thị trấn để phục vụ công tác PCCC.

7.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và xử lý môi trường:

- Tiêu chuẩn nước thải tính bằng 80% lưu lượng nước cấp sinh hoạt.
- Tổng lưu lượng nước thải $Q=2.160\text{m}^3/\text{ngày-đêm}$.
- Lưu vực thoát nước thải theo lưu vực thoát mưa.
- Hệ thống thoát nước thải từng bước được tách riêng cho phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương, nguồn lực đầu tư, phù hợp với đặc thù của khu vực hiện hữu và khu vực phát triển mới.

- Do địa hình đồi dốc một số khu vực nước thải không tự chảy về trạm xử lý nước thải nên phải bố trí 4 trạm bơm nước thải tự động ở phía Bắc và Nam thị trấn.

- Toàn thị trấn xây dựng 2 trạm xử lý nước thải tập trung có công suất $Q=1.500\text{m}^3/\text{ngày-đêm}$ vị trí ở phía Bắc và Nam thị trấn.

- Công thoát nước thải sử dụng cống tròn bê tông ly tâm có đường kính D400 đến D800.

7.6. Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

a) Quản lý chất thải rắn:

- Tổng lượng rác thải rắn: $W = 19 \text{ tấn/ngày}$.
- Toàn bộ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt thu gom của thị trấn sẽ được vận chuyển và đưa về xử lý tại khu xử lý chất thải rắn đã được quy hoạch xã Ia Kriêng, cách quốc lộ 19 khoảng 6,0km, diện tích 5,0ha. Khu xử lý chất thải rắn được đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn bằng công nghệ đốt rác hiện đại.

b) Nghĩa trang: Được quy hoạch quy hoạch tại xã xã Ia Kriêng, cách quốc lộ 19 khoảng 7,0km, diện tích 10ha.

7.7. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Tận dụng cơ sở hạ tầng hiện có, xây dựng và mở rộng mạng băng thông rộng đến các tổ dân phố, thôn, làng trên địa bàn thị trấn phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân và công tác chỉ đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước. Tiếp tục mở rộng băng thông Internet nội hạt và liên tỉnh đáp ứng nhu cầu của xã hội; triển khai mạng thông tin di động 4G và các thế hệ tiếp theo.

- Phát triển các điểm truy cập công cộng tại các địa điểm thích hợp với từng địa bàn cơ sở như: các trường học, nhà văn hóa, và các trung tâm giáo dục cộng đồng... để lắp đặt thiết bị nhằm thu hút và tạo điều kiện tốt nhất cho người dân có thể khai thác, sử dụng có hiệu quả các dịch vụ điện thoại cố định và truy cập internet.

- Thực hiện cáp quang hóa và ngầm hóa các đường cáp để đảm bảo chất lượng dịch vụ và mỹ quan đô thị, đặc biệt là dọc các tuyến đường, phố chính tại khu vực trung tâm thị trấn.

8. Một số quy định về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

- Vùng trung tâm hành chính huyện: Đây là khu vực có vai trò là trung tâm hành chính - chính trị của thị trấn, gắn với các không gian chức năng của đô thị

như trung tâm hành chính, các công trình văn hoá, y tế, thương mại- dịch vụ, an ninh - quốc phòng... Định hướng cải tạo, bảo tồn, chỉnh trang mỹ quan đô thị, hệ thống giao thông, tăng mật độ xây dựng và tăng cao đối với các công trình nhà nước, công trình công cộng. Khu dân cư hiện hữu với mật độ xây dựng thấp, tăng mật độ cây xanh...

- Trục cảnh quan đô thị: Khai thác không gian dọc tuyến đường quốc lộ 19 với các công trình thương mại - dịch vụ... tạo bộ mặt cho thị trấn Chư Ty.

- Vùng phát triển thương mại - dịch vụ: Phát triển dọc theo đường quốc lộ 19, các khu vực phía Đông Bắc và phía Tây khu trung tâm thị trấn, kết hợp với các công trình thương mại dịch vụ hiện có trong vùng lõi của đô thị, kết hợp khai thác và phát triển các khu vực thương mại - dịch vụ xung quanh các khu di tích lịch sử của địa phương. Định hướng chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, diện tích không gian cây xanh có tỷ lệ lớn, hòa nhập với cảnh quan tự nhiên và địa hình.

- Vùng kiến trúc công nghiệp: Khu sản xuất, thương mại - dịch vụ nằm về phía Đông thị trấn. Định hướng phát triển hình ảnh khu sản xuất kết hợp phát triển thương mại - dịch vụ hiện đại, nhiều cây xanh và môi trường sạch.

- Vùng cảnh quan đô thị: Với ưu thế về địa hình, điều kiện cảnh quan thị trấn Chư Ty có nhiều lợi thế để khai thác không gian cảnh quan nhằm tạo nên những không gian cảnh quan đặc thù riêng. Hệ thống cảnh quan được chia thành các vùng cơ bản như sau:

- + Vùng cảnh quan khu trung tâm hành chính nằm tại vị trí khu trung tâm hiện hữu, phía Bắc, định hướng phát triển thành khu trung tâm hành chính công cộng, thương mại - dịch vụ và khu ở mới. Tạo điểm nhấn quan trọng về cảnh quan cho thị trấn.

- + Vùng cảnh quan đô thị mới nằm phía Tây, Tây Bắc và Đông Bắc của thị trấn, là khu vực có địa hình thuận lợi cho phát triển và mở rộng đô thị. Do đó, định hướng bố trí thêm các công trình công cộng, thương mại dịch vụ, thể dục thể thao, hoa viên cây xanh, ... nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và tạo thêm điểm nhấn cho khu vực này.

- + Vùng cảnh quan văn hóa bản địa là khu vực gắn với phát triển kinh tế nông nghiệp và khu vực làng đồng bào của thị trấn, đóng vai trò là không gian văn hóa dân tộc bản địa kết hợp không gian xanh đậm.

9. Biện pháp bảo vệ môi trường:

- Kiểm soát việc khai thác nước ngầm để sử dụng vào mục đích sinh hoạt. Kêu gọi việc đầu tư và phát triển hệ thống cấp nước để tăng tỷ lệ người dân sử dụng nước qua hệ thống cấp nước tập trung 100%.

- Môi trường không khí kiểm soát tại các dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình.

- Các giải pháp kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai hay ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các tác động môi trường, kế hoạch quản lý và giám sát môi trường. Kế hoạch quản lý và giám sát môi trường thực hiện theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

- Các khu chức năng được bố trí theo đúng quy phạm, có quy định mật độ xây dựng và phân đợt xây dựng, hạn chế các tác nhân gây ô nhiễm trong quá trình xây dựng.

- Quy hoạch công viên cây xanh và tăng cường trồng cây xanh các công trình hạ tầng kỹ thuật và các trục giao thông, công viên.

- Hệ thống thu và xử lý nước thải, chất thải rắn: Có lộ trình xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng. Nước thải theo đường cống thoát nước thải được đưa về trạm xử lý tập trung và được xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 14-2008/BTNMT. Chất thải rắn phải được thu gom, xử lý đúng quy định.

Điều 2. Giao cho UBND huyện Đức Cơ phối hợp với các cơ quan liên quan công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch được phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Đức Cơ và Thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TTTH, KTTH, CNXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Tiến Đông